TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **23/**2017/HNGĐ-PT
Ngày: 27-7-2017
V/v: "*Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Tuyến.
Các Thẩm phán: Bà Vũ Thị Thu
Bà Phan Thị Thu Hương

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Minh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai: Bà Đỗ Thị Trang-Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường C - Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2017/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2017 về việc "Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Do bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 85/2017/HNGĐ-ST ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 29/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: **Bà Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1981.
Địa chỉ: Phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.
- *Bị đơn*: **Ông Chu Văn A**, sinh năm 1975.
Địa chỉ: phường B, thành phố C, tỉnh Đồng Nai.

(Bà T, ông A có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh T trình bày:

Bà Trần Thị Thanh T kết hôn với ông Chu Văn A vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá

trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đã sống ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Hiện tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà T yêu cầu được ly hôn với ông A để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Bà T và ông A có hai con chung là cháu Chu Vân A, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2013 và cháu Chu Anh T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2014. Hiện cả hai cháu đang sống cùng bà T.

Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai người con và yêu cầu ông A phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 2.500.000đ/tháng, cộng chung mức cấp dưỡng cho hai người con là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng cho đến khi con trưởng thành.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo các lời khai thể hiện tại hồ sơ và tại phiên tòa, bị đơn ông Chu Văn A trình bày:

Ông Chu Văn A và bà Trần Thị Thanh T kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn, hôn nhân tự nguyện, đã được Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn. Trong quá trình chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp. Ông A đồng ý theo yêu cầu xin ly hôn của bà T.

Về con chung: Ông A và bà T có hai con chung là cháu Chu Vân A, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2013 và cháu Chu Anh T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2014. Hiện cả hai cháu đang sống cùng bà T.

Ông A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Vân A, giao bà T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Chu Anh T, ông tự nguyện cấp dưỡng cho cháu Chu Anh T với mức cấp dưỡng là 1.000.000đ/ tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 85/2017/HNGĐ-ST ngày 10/4/2017 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ các điều 85,89; 91,92,94 Luật Hôn nhân và gia đình; pháp lệnh án phí ; lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Thanh T về các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với Ông Chu Văn A.

Về con chung:

Bà Trần Thị Thanh T và ông Chu Văn A có 02 (hai) người con chung, gồm:

1. Chu Vân A, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2013

2. Chu Anh T, sinh ngày 27 tháng 12 năm 2014

Giao cháu Chu Vân A và cháu Chu Anh T cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Mức cấp dưỡng cho cả hai người con là 5.000.000đ (năm triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ

ngày tuyên án cho đến khi con tròn 18 tuổi có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân.

Ông A có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không đặt ra để xem xét.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000952 ngày 28 tháng 11 năm 2016 được trừ vào tiền án phí.

Ông A phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng)

Án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/4/2017, ông Chu Văn A kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm về phần con chung và mức cấp dưỡng nuôi con.

Phát biểu của Đại diện VKS tham gia phiên tòa:

Về thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý đến khi xét xử và tại phiên tòa hôm nay đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung kháng cáo của ông A xét thấy: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà T giao hai cháu Vân A và Anh T và buộc ông A cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở nên đề nghị HĐXX bác kháng cáo của ông A, giữ y án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Chu Văn A làm trong hạn luật định đã đóng tạm ứng án phí nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật: Trong vụ án này các đương sự tranh chấp xin ly hôn và tranh chấp nuôi con nên quan hệ pháp luật trong vụ án này là Tranh chấp Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con.

[3] Về nội dung: Ông A kháng cáo không đồng ý án sơ thẩm vì cho rằng điều kiện nuôi con của của bà T không bằng ông. Đề nghị giao cháu Chu Vân A cho ông nuôi và ông đóng góp nuôi con 1.000.000đ/ tháng với cháu Chu Anh T. Xét thấy: Cả hai cháu đều còn quá nhỏ. Cháu Chu Anh T chưa đủ 3 tuổi. Cháu Vân A chưa đủ 4 tuổi lại là gái. Cả hai cháu đều do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ nhỏ đến nay. Hiện bà T làm giáo viên trường mầm non nơi hai cháu đang theo học nên việc đưa đón và chăm sóc con khá thuận tiện. Ông A làm nghề tài xế đưa rước công nhân và học sinh, phải đi làm rất sớm nên việc

chăm sóc con không thuận lợi bằng bà T. Cấp sơ thẩm giao con cho bà T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hợp lý, phù hợp với quy định tại Điều 92 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Khi điều kiện thay đổi, các bên được quyền thay đổi vị trí nuôi con.

Về mức đóng góp nuôi con: Ông A khẳng định thu nhập của ông khoảng 15.000.000đ/tháng. Hiện ông không phải chu cấp, phụ giúp nuôi cha mẹ nên mức đóng góp nuôi hai con 5.000.000đ/tháng là hợp lý so với thu nhập của ông. Hai cháu đều còn nhỏ, mức cấp dưỡng 2.500.000đ gồm chi phí ăn, học chăm sóc ở trường là phù hợp với thực tế điều kiện sống, chi phí sinh hoạt tại địa phương, phù hợp với quy định tại Điều 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Khi điều kiện thay đổi, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức đóng góp nuôi con .

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tỉnh Đồng Nai là phù hợp quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì những lẽ trên;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 85,89; 91,92,94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Điều 84, 116, 118 và Điều 131 Luật Hôn nhân gia đình 2014.

Căn cứ Pháp lệnh án phí; lệ phí của Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH14 về án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị Thanh T về các vấn đề sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Thanh T được ly hôn với ông Chu Văn A.

Về con chung:

Giao cháu Chu Vân A, sinh ngày 17 tháng 10 năm 2013 và cháu Chu Anh T sinh ngày 27 tháng 12 năm 2014 cho bà Trần Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông A có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với cháu Chu Vân A và Chu Anh T. Mức cấp dưỡng nuôi con đối với mỗi người con là 2.500.000đ/ tháng (hai triệu năm trăm nghìn đồng). Thời gian cấp dưỡng được tính kể từ ngày tuyên án cho đến khi các con trưởng thành và có khả năng tự lao động.

Ông A có quyền thăm nom con không ai được cản trở.

Vì lợi ích của trẻ, khi có yêu cầu của các đương sự hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Khi điều kiện thay đổi, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con .

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu không giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 200.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 000952 ngày 28 tháng 11 năm 2016 tại Chi cục Thi hành án thành phố Biên Hòa được trừ vào tiền án phí. Bà T đã nộp đủ án phí.

Ông A phải chịu tiền án phí cấp dưỡng nuôi con là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) và 300.000đ án phí DSPT. Tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 009087 ngày 25/4/2017 tại Chi cục Thi hành án thành phố Biên Hòa được tính trừ vào án phí ông A phải chịu. Ông A đã nộp đủ án phí DSPT, còn phải nộp tiếp 200.000đ án phí DSST.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- TAND Tp. Biên Hòa;
- THA DS Tp. Biên Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hồng Tuyến